

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 97/2025/DS-ST
Ngày: 18-6-2025
“V/v Tranh chấp về dân sự - Hợp
đồng tín dụng, hợp đồng thế
chấp tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ong Thị Ngọc Tâm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hồng Thơ
2. Ông Bùi Văn Dũng
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân
thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
tham gia phiên tòa: Ông Phan Hoài Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao
Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:
849/2024/TLST-DS, ngày 03 tháng 12 năm 2024, về việc “Tranh chấp dân sự
- Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra
xét xử số: 377/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn
phiên tòa số 162/2025/QĐST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2025 và Quyết định
hoãn phiên tòa số 219/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ: phường Láng H, quận Đ, Thành phố H. Người đại diện theo
pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại
diện theo ủy quyền của ông D: Ông Đỗ Thành T - Chức vụ: Phó Giám đốc
Trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và Xử lý nợ pháp lý; Người
đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Bùi Văn S - Trưởng bộ phận xử lý nợ
và ông Châu Nhật T1 - Chuyên viên xử lý nợ; Địa chỉ liên hệ: đường Hùng V,
Phường H, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Tấn Huy P, sinh năm 1991.

Địa chỉ: tổ 66, khóm 4, Phường H, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng
Tháp.

2. Bà Phạm Thúy H, sinh năm 2000; Hộ khẩu thường trú: Thôn 11, xã
Thống N, huyện B, tỉnh B.

Địa chỉ liên hệ: tổ 66, khóm 4, Phường H, thành phố Cao Lãnh, tỉnh
Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P và bà H: Bà Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1965; Địa chỉ thường trú: Tổ 66, khóm 4, Phường H, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ liên hệ: đường Phùng Khắc Khoan, phường M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng TMCP Vtrình bày:

Ông Nguyễn Tấn Huy P và bà Phạm Thúy H có vay của Ngân hàng TMCP V các hợp đồng tín dụng sau:

1. Hợp đồng cho vay số LN2111194733577 ngày 23/11/2021, số tiền cho vay 570.000.000 đồng (năm trăm bảy mươi triệu đồng). Mục đích sử dụng vốn vay: thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu Toyota, số loại Hilux 2.4L4x2 AT, sản xuất 2021, mới 100%; mục đích: phục vụ nhu cầu đi lại cá nhân. Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 9%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Lãi suất được cố định trong thời hạn 12 tháng đầu tiên, hết thời hạn, lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên, V cùng ông P và bà H ký kết Hợp đồng thế chấp số LN2111194733577 ngày 23/11/2021 để nhận thế chấp tài sản bảo đảm là: 01 chiếc xe ô tô hiệu Toyota, Biển số đăng ký: 66C-13617; số khung: MR0JB3DD701904498, số máy: 2GDC855419, theo giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô ngày 23/11/2021 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Tháp cấp thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông P và bà H. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp. Tài sản thế chấp đã được đăng ký biện pháp giao dịch đảm bảo theo số phiếu yêu cầu đăng ký 1433606938 được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm, có hiệu lực đăng ký từ thời điểm 12 giờ 24 phút, ngày 23 tháng 11 năm 2021 tại Trung Tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình thực hiện hợp đồng trên, ông P và bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 15/6/2024 đối với V và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký.

Số tiền ông P và bà H còn nợ V theo hợp đồng tín dụng đã ký, tạm tính đến ngày 28/8/2024 yêu cầu trả số tiền vốn 391.875.000 đồng và số tiền nợ lãi 22.645.104 đồng, **tổng cộng là 414.520.104 đồng.**

2. Hợp đồng cho vay số LN2112174918696 ngày 28/12/2021; Số tiền cho vay 566.000.000 đồng, mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô hiệu Mitsubishi, Xpander Cross, 1.5L, AT sản xuất mới 100%. Thời hạn cho vay: 96 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho bên vay. Lãi suất trong hạn; Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 9%/năm, lãi suất được cố định trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời

điểm chuyển nợ quá hạn. Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên, V cùng ông P, bà H ký Hợp đồng thế chấp số LN2112174918696 ngày 28/12/2021 để nhận thế chấp tài sản bảo đảm là: 01 chiếc xe ô tô hiệu Mitsubishi, Xpander Cross, 1.5L, AT, biển số đăng ký: 66A-161.22, có số khung: MK2XRNC1WLN020708, số máy: 4A91KAD7925, theo giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô ngày 30/12/2021 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Tháp cấp quyền sở hữu/sử dụng của ông P, bà H. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ được lắp thêm thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp. Tài sản thế chấp đã được đăng ký biện pháp giao dịch đảm bảo theo số phiếu yêu cầu đăng ký 1440012812 được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm, có hiệu lực đăng ký từ 09 giờ 57 phút, ngày 31/12/2021 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình thực hiện các hợp đồng trên, ông P và bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 15/6/2024 đối với V và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký.

Số tiền ông P và bà H còn nợ V theo hợp đồng tín dụng đã ký, tạm tính đến ngày 28/8/2024 yêu cầu trả số tiền vốn 395.045.000 đồng và số tiền nợ lãi 18.070.038 đồng; Tổng cộng **413.115.038 đồng**.

3. Hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo giải ngân ngày 09/01/2023; Số tiền vay 64.000.000 đồng, mục đích sử dụng vốn vay tiêu dùng trong gia đình, thời hạn cho vay 36 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho bên vay.

Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 20,7%/năm; Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng trên, ông P và bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 15/6/2024 đối với V và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký. Số tiền ông P và bà H còn nợ V theo hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 28/8/2024 yêu cầu trả số tiền vốn 39.625.309 đồng và số tiền nợ lãi 3.269.333 đồng; Tổng cộng là **42.894.642 đồng**.

4. Hợp đồng thế tín dụng số 226-P-9034331 mở ngày 25/11/2021; Số tiền vay 20.000.000 đồng; thời hạn vay: 60 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày bên Ngân hàng giải ngân số tiền vay. Mục đích sử dụng vốn: vay tiêu dùng cá nhân. Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn theo thỏa thuận. Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Số tiền ông P và bà H còn nợ V tạm tính đến ngày 28/8/2024 yêu cầu trả số tiền vốn 18.726.572 đồng và số tiền nợ lãi 3.936.138 đồng, tổng cộng **22.662.710 đồng**.

Mặc dù, Ngân hàng đã tạo điều kiện về thời gian cho ông P và bà H trả nợ nhưng ông bà vẫn cố tình trốn tránh, kéo dài thời gian trả nợ cho Ngân hàng. Xét thấy bên vay không còn khả năng thanh toán nợ do đó V đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn và thông báo chấm dứt việc thực hiện đối

với hợp đồng tín dụng trên, đồng thời tiến hành khởi kiện để phát mãi tài sản thế chấp thu hồi nợ.

Nay V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông P và bà H phải thanh toán cho V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các hợp đồng tín dụng đã ký. Tạm tính đến ngày 28/8/2024, tổng số tiền vay và lãi là 893.192.494 đồng (trong đó, số tiền vay gốc 845.271.881 đồng và lãi 47.920.613 đồng) và yêu cầu tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng cho vay cho đến ngày khi ông P và bà H thanh toán xong nợ cho V.

Yêu cầu công nhận tính hợp pháp của Hợp đồng thế chấp số LN2111194733577 ngày 23/11/2021 và Hợp đồng thế chấp số LN2112174918696 ngày 28/12/2021 giữa ông P, bà H và V.

Trường hợp ông P và bà H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi các tài sản thế chấp là:

01 chiếc xe ô tô hiệu Toyota, biển số đăng ký 66C-13617; số khung MR0JB3DD701904498, số máy 2GDC855419, theo giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô ngày 23/11/2021 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Tháp cấp thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Nguyễn Tấn Huy P và bà Phạm Thúy H và 01 chiếc xe ô tô hiệu Mitsubishi, Xpander Cross, 1.5L, AT, biển số đăng ký 66A-161.22, có số khung MK2XRNC1WLN020708, số máy 4A91KAD7925, theo giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô ngày 30/12/2021 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Tháp cấp thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông P và bà H. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp. Trường hợp sau khi phát mãi tài sản thế chấp mà vẫn không đủ thanh toán nghĩa vụ trả nợ thì V đề nghị Tòa án buộc ông P và bà H phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi các khoản nợ được tất toán. Đồng thời, V có quyền tiếp tục yêu cầu xác minh, thi hành án các tài sản khác của ông P và bà H.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn Huy P trình bày:

Ông P đồng ý trả cho V các khoản vay của Hợp đồng cho vay số LN2111194733577 ngày 23/11/2021, số tiền vay 570.000.000 đồng và Hợp đồng cho vay số LN2112174918696 ngày 28/12/2021, số tiền cho vay 566.000.000 đồng và đồng ý với các Hợp đồng thế chấp số LN2111194733577 ngày 23/11/2021 và Hợp đồng thế chấp số LN2112174918696 ngày 28/12/2021 giữa V với ông P và H. Bị đơn đề nghị phía Ngân hàng cung cấp bảng sao kê cụ thể của các khoản vay, mức lãi suất.

Đối với hai khoản vay hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo giải ngân ngày 09/01/2023, số tiền vay 64.000.000 đồng và Hợp đồng thế chấp số 226-P-9034331 mở ngày 25/11/2021, số tiền vay 20.000.000 đồng.

Bị đơn thừa nhận có vay của Ngân hàng nhưng đề nghị giải quyết bằng vụ kiện khác để tính toán lại mức lãi suất do mức lãi suất của hai khoản vay này rất cao.

Tại phiên tòa,

Anh Châu Nhật T1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V trình bày: Mặc dù đã nhiều lần tạo điều kiện để bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nhưng bị đơn không thực hiện được. Nay Ngân hàng yêu cầu ông P và bà H trả cho Ngân hàng số tiền vay và lãi tính đến ngày 16/4/2025 là 996.175.674 đồng, trong đó số tiền vay 845.271.881 đồng và lãi là 150.903.793 đồng (có bảng kê tính lãi kèm theo) và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận của các hợp đồng kể từ ngày 17/4/2025 đến khi thi hành xong.

Yêu cầu công nhận giá trị pháp lý của các hợp đồng gồm: Hợp đồng thế chấp số LN2111194733577 ngày 23/11/2021 và Hợp đồng thế chấp số LN2112174918696 ngày 28/12/2021 giữa V với ông P và bà H. Trường hợp, ông P và bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm thế chấp để thu hồi nợ, tài sản bảo đảm gồm: 01 chiếc xe ô tô hiệu Toyota, Biển số đăng ký: 66C-13617; số khung: MR0JB3DD701904498, số máy: 2GDC855419 đứng tên ông P và 01 chiếc xe ô tô hiệu Mitsubishi, Xpander Cross, 1.5L, AT, Biển số đăng ký: 66A-161.22, có số khung: MK2XRNC1WLN020708, số máy: 4A91KAD7925 đứng tên ông P.

Ngoài các tài liệu, chứng cứ Ngân hàng đã nộp cho Tòa án, thì không còn chứng cứ nào khác và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác. Ngân hàng không yêu cầu cá nhân, tổ chức nào khác phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng vay của ông P và bà H.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng; người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Nguyễn Tấn Huy P và bà Phạm Thúy H trả cho Ngân hàng TMCP V tổng cộng số tiền vay và lãi là 996.175.674 đồng (trong đó số tiền vay 845.271.881 đồng và lãi tính đến ngày 16/4/2025 là 150.903.793 đồng) và tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận của các hợp đồng kể từ ngày 17/4/2025 đến khi thi hành xong.

Công nhận giá trị pháp lý của Hợp đồng thế chấp số LN2111194733577 ngày 23/11/2021 và Hợp đồng thế chấp số LN2112174918696 ngày 28/12/2021 giữa Ngân hàng TMCP V với ông P và bà H. Trường hợp, ông P và bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Án phí và chi phí tố tụng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay và lãi theo hợp đồng tín dụng và yêu cầu công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về dân sự hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản. Tranh chấp về hợp đồng dân sự giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện và căn cứ khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Căn cứ vào Hợp đồng cho vay số LN2111194733577 ngày 23/11/2021 vay số tiền 570.000.000 đồng, Hợp đồng cho vay số LN2112174918696 ngày 28/12/2021 vay số tiền 566.000.000 đồng, Hợp đồng cho vay LD2300902254 ngày 09/01/2023 vay số tiền 64.000.000 đồng và Hợp đồng thế tín dụng số 226-P-9034331 mở ngày 25/11/2021, vay 20.000.000 đồng cùng với các Hợp đồng thế chấp LN2111194733577 ngày 23/11/2021 và Hợp đồng thế chấp số LN2112174918696 ngày 28/12/2021 được ký giữa ông Nguyễn Tấn Huy P, bà Phạm Thúy H và V.

Thể hiện các bên giao kết hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật, lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp với quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Do đó, các hợp đồng nêu trên có giá trị pháp lý và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng, ông P và bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần trao đổi tạo điều kiện để bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bị đơn vẫn không thực hiện được. Ông P và bà H là vợ chồng cùng nhau ký hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm các khoản vay tín dụng nên cả hai phải cùng thực hiện nghĩa vụ liên đới đối với các yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Buộc ông P và bà H trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền vay còn nợ và lãi tính đến ngày 16/4/2025 là 996.175.674 đồng (chín trăm chín mươi sáu triệu một trăm bảy mươi lăm đồng sáu trăm bảy mươi bốn đồng), trong đó, số tiền vay 845.271.881 đồng và lãi là 150.903.793 đồng, (có bảng kê tính lãi kèm theo) và tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận của các hợp đồng kể từ ngày 17/4/2025 đến khi thi hành xong các khoản nợ.

[2.3] Để bảo đảm cho khoản vay tại Hợp đồng tín dụng, ông P và bà H đã ký kết với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp số LN2111194733577 ngày

23/11/2021 và Hợp đồng thế chấp số LN2112174918696 ngày 28/12/2021 tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô hiệu Toyota, Biển số đăng ký: 66C-13617; số khung: MR0JB3DD701904498, số máy: 2GDC855419 đứng tên ông Nguyễn Tấn Huy P; 01 xe ô tô hiệu Mitsubishi, Xpander Cross, 1.5L, AT, Biển số đăng ký: 66A-161.22, có số khung: MK2XRNC1WLN020708, số máy: 4A91KAD7925 đứng tên ông P.

[2.4] Việc thế chấp tài sản được các bên xác lập bằng hợp đồng và thực hiện đúng quy định pháp luật, được các bên đương sự thừa nhận. Do đó, hợp đồng trên có giá trị pháp lý và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Trường hợp bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận thì phải thực hiện xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, yêu cầu công nhận giá trị pháp lý của các Hợp đồng thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa, người đại diện của Ngân hàng xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án, thì không còn chứng cứ nào khác và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác. Ngân hàng không yêu cầu cá nhân, tổ chức nào khác phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cùng với ông P và bà H.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 173, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 293, Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

1.1 Buộc ông Nguyễn Tấn Huy P và bà Phạm Thúy H trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền vay và lãi là **996.175.674 đồng** (chín trăm chín mươi sáu triệu một trăm bảy mươi lăm đồng sáu trăm bảy mươi bốn đồng).

1.2 Kể từ ngày tiếp theo của ngày 16/4/2025, ông Nguyễn Tấn Huy P và bà Phạm Thúy H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP thì lãi suất mà ông P và bà H phải tiếp tục thanh

toán cho Ngân hàng theo quyết định của Toà án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP V.

1.3. Công nhận giá trị pháp lý của các Hợp đồng thế chấp số LN2111194733577 ngày 23/11/2021 và Hợp đồng thế chấp số LN2112174918696 ngày 28/12/2021 giữa Ngân hàng TMCP V với ông Nguyễn Tấn Huy P và bà Phạm Thúy H.

Trường hợp, ông P và bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP V, tài sản thế chấp bao gồm: 01 xe ô tô hiệu TOYOTA; Biển số đăng ký: 66C-136.17; số khung: MR0JB3DD701904498, số máy: 2GDC855419 đứng tên Nguyễn Tấn Huy P và 01 xe ô tô hiệu MITSUBISHI, Xpander Cross, 1.5L, AT; Biển số đăng ký: 66A-161.22, có số khung: MK2XRNC1WLN020708, số máy: 4A91KAD7925, đứng tên Nguyễn Tấn Huy P.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Tấn Huy P và bà Phạm Thúy H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 41.885.000 đồng.

Ngân hàng TMCP V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 19.998.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013073 ngày 21/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ong Thị Ngọc Tâm